

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Dậu.

Ông Đặng Quang Hoạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 238/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đào Thị B**, sinh năm 1981.

Địa chỉ thường trú: Ấp Thuận A, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Trần Sín T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ thường trú: Ấp Thuận A, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Ấp Thuận T, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, Bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bàu H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 (quyển số 01) ngày 19/02/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống

hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nhưng vì thương các con nên bà B đã nhiều lần đồng ý hòa giải. Tuy nhiên, hiện nay các con chung đã trưởng thành, bà B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Sín T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông T có 02 con chung là cháu Trần Thái H, sinh ngày 12/11/2001 và cháu Trần Thái Q, sinh ngày 06/01/2005. Hiện nay, do các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc giao con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn ông Trần Sín T trình bày:

Ông T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của bà B là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho bà B được ly hôn với ông T. Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét về yêu cầu giao con và cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Bà B phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đào Thị B nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Sín T, sinh năm: 1975, địa chỉ thường trú: Ấp Thuận A, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên lạc: Ấp Thuận T, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà B nộp đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định nên được thụ lý, giải quyết. Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Bàu H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 (quyển số 01) ngày 19/02/2001 nên quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà B kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông T với lý do hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không có hạnh phúc; vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không thành. Đồng thời, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T để làm việc, hòa giải, hàn gắn nhưng ông T vắng mặt không có lý do, thể hiện việc ông T không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa bà B và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, có 02 con chung là anh Trần Thái H, sinh ngày 12/11/2001 và anh Trần Thái Q, sinh ngày 06/01/2005. Hiện nay, do các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc giao con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét việc giao con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung: Bà B trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà B trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 220, 235, 228, 264, 266, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 8, 9, 51, 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị B về việc “Ly hôn” với ông Trần Sín T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị B được ly hôn với ông Trần Sín T.

2. Về con chung: Hiện nay, do các con chung là anh Trần Thái H, sinh ngày 12/11/2001 và anh Trần Thái Q, sinh ngày 06/01/2005 đã thành niên, có khả năng lao động, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc giao con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Đào Thị B phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0006705 ngày 13/3/2024** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Bà Đào Thị B đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thị Liên